

- (11) Đăng ten và đồ thêu giấy; diềm cho kệ, giá.
- (12) Miếng đệm và vòng đệm bằng giấy.
- (13) Khung con dấu, góc khung ảnh và khung ảnh, góc gia cố cho valy.
- (14) Các bình, can bằng sợi dệt xe; thẻ phẳng được tạo hình cho việc quấn sợi, ruy băng..., các tờ đã tạo khuôn để đựng trứng.
- (15) Vỏ xúc xích.
- (16) Mẫu hình cho quần áo, mẫu khuôn, đã hoặc chưa lắp ráp.
- (17) Quạt và màn che kéo bằng tay, với khuôn bằng giấy hoặc lá và khung bằng vật liệu bất kỳ, và khuôn được để riêng. Tuy nhiên, quạt và màn che kéo bằng tay với khung là kim loại quý thì được phân loại trong **nhóm 71.13**.
- Ngoài các sản phẩm bị loại trừ theo Chú giải 2 của Chương này, nhóm này **loại trừ**:
- (a) Giấy diệt ruồi (**nhóm 38.08**).
- (b) Dải giấy được tẩm chất thử chẩn đoán hoặc chất thử thí nghiệm (**nhóm 38.22**).
- (c) Ván sợi (**nhóm 44.11**).
- (d) Giấy ở dạng dải, không tráng thuộc loại dùng để viết, in hoặc mục đích đồ bản, của **nhóm 48.02**.
- (e) Giấy ở dạng dải, được tráng, phủ hoặc thấm tẩm của **nhóm 48.10** hoặc **48.11**.
- (f) Vé xổ số, "xổ số cào", phiếu rút thăm trúng thưởng (raffle ticket) và vé xổ số tambola (thường thuộc **nhóm 49.11**).
- (g) Ô, dù che nắng bằng giấy (**nhóm 66.01**).
- (h) Hoa, lá, quả nhân tạo và các bộ phận của chúng (**nhóm 67.02**).
- (ij) Đồ cách điện và các hàng đồ điện khác (**Chương 85**).
- (k) Các mặt hàng của **Chương 90** (ví dụ, các dụng cụ chỉnh hình hoặc các thiết bị trung bày, đĩa số cho các thiết bị khoa học).
- (l) Các mặt số của đồng hồ (**nhóm 91.14**).
- (m) Đạn và nòng đạn cát tút (**nhóm 93.06**).
- (n) Chụp đèn (**nhóm 94.05**).

Chương 49:

Sách, báo, tranh ảnh và các sản phẩm khác của công nghiệp in; các loại bản thảo viết bằng tay, đánh máy và sơ đồ

Chú giải.

1.- Chương này không bao gồm:

- (a) Phim tạo ảnh âm bản hoặc dương bản (Chương 37);

- (11) Paper lace and embroidery; shelf edging.
- (12) Paper gaskets and washers.
- (13) Stamp mounts, photograph mounting comers and photo mounts, reinforcement comers for suit-cases.
- (14) Textile spinning cans; flat shaped cards for winding yam, ribbon, etc.; moulded sheets for packing eggs.
- (15) Sausage casings.
- (16) Dress patterns, models and templates, whether or not assembled.
- (17) Fans and hand screens, with paper mounts or leaves and frames of any material, and separately presented mounts. However, fans or hand screens with frames of precious metal are classified in **heading 71.13**

In addition to the goods excluded by Note 2 to this Chapter, the heading **excludes** :

- (a) Fly-papers (heading 38.08).
- (b) Strips impregnated with diagnostic or laboratory reagents (**heading 38.22**).
- (c) Fibreboard (**heading 44.11**).
- (d) Uncoated strip paper of a kind used for writing, printing or other graphic purposes, of **heading 48.02**.
- (e) Strip paper, coated, covered or impregnated, of **heading 48.10** or **48.11**.
- (f) Lottery tickets, "scratch cards", raffle tickets and tombola tickets (generally **heading 49.11**).
- (g) Paper sun umbrellas (**heading 66.01**).
- (h) Artificial flowers, foliage and fruit and parts thereof (**heading 67.02**).
- (ij) Insulators and other electrical goods (**Chapter 85**).
- (k) Articles of **Chapter 90** (e.g., orthopaedic appliances or demonstrational apparatus, dials for scientific instruments).
- (l) Dials for clocks and watches (**heading 91.14**).
- (m) Cartridge cases and wads (**heading 93.06**).
- (n) Lampshades (**heading 94.05**).

Chapter 49

Printed books, newspapers, pictures and other products of the printing industry; manuscripts, typescripts and plans

Notes.

1.- This Chapter does not cover:

- (a) Photographic negatives or positives on transparent bases (Chapter 37);

(b) Bản đồ, sơ đồ hoặc quả địa cầu, dạng nổi, đã hoặc chưa in (nhóm 90.23);

(c) Bộ bài để chơi hoặc hàng hoá khác thuộc Chương 95; hoặc

(d) Bản khắc, bản in và bản in lytô gốc (nhóm 97.02), tem bưu chính hoặc tem thuế, dấu in cước thay tem bưu chính, phong bì có tem đóng dấu ngày phát hành đầu tiên, ấn phẩm bưu chính hoặc những loại hàng hoá tương tự thuộc nhóm 97.04, đồ cổ có tuổi trên 100 năm hoặc các loại hàng hoá khác thuộc Chương 97.

2.- Theo mục đích của Chương 49, khái niệm "đã in" cũng có nghĩa là đã được tái bản bằng máy nhân bản, được tạo ra nhờ một máy xử lý dữ liệu tự động, được rập nổi, được chụp lại, được photocopy, được copy nhiệt hoặc được đánh máy.

3.- Các loại báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ được đóng bìa không phải bìa giấy mềm, và các bộ báo, tạp chí chuyên ngành hoặc xuất bản phẩm định kỳ được đóng thành tập có từ 2 số trở lên trong một bìa thì phải được phân loại vào nhóm 49.01, có hoặc không chứa tư liệu quảng cáo.

4.- Nhóm 49.01 cũng bao gồm:

(a) Bộ sưu tập các tái bản, ví dụ, của các tác phẩm nghệ thuật hoặc tranh vẽ, có kèm theo phần lời đề mục, chủ đề, với cách đánh số trang phù hợp để đóng gói thành một hoặc nhiều tập;

(b) Tập tranh ảnh minh họa, và phụ lục cho một cuốn sách; và

(c) Các phần đã in của sách hoặc sách nhỏ, ở dạng đã xếp thành tập hoặc tờ rời hoặc đã có ký hiệu trang để đóng gói thành bộ hoàn chỉnh hoặc từng phần của tác phẩm hoàn chỉnh và được thiết kế để đóng quyển.

Tuy nhiên, các loại tranh ảnh đã in hoặc minh họa không kèm theo lời đề mục, hoặc ở dạng tập có số trang hoặc ở dạng tờ rời, thì được xếp vào nhóm 49.11.

5.- Theo Chú giải 3 của Chương này, nhóm 49.01 không bao gồm các xuất bản phẩm chỉ dành riêng cho việc quảng cáo (ví dụ, các loại sách gấp, sách chuyên đề (pamphlet), sách mỏng, tờ rơi, catalogue quảng cáo thương mại, niên giám do các tổ chức thương mại, cơ quan tuyên truyền du lịch xuất bản). Các ấn phẩm này được phân loại trong nhóm 49.11.

6.- Theo mục đích của nhóm 49.03, khái niệm "sách tranh ảnh cho trẻ em" có nghĩa là loại sách dành cho trẻ em trong đó chủ yếu là tranh ảnh và lời chỉ là phụ.

TỔNG QUÁT

Trừ một số ít ngoại lệ dưới đây, Chương này bao gồm tất cả các ấn phẩm mà bản chất và công dụng chủ yếu của chúng được quyết định bởi thực tế là chúng được in với các motip, các ký tự hoặc biểu tượng tranh ảnh.

Mặt khác, ngoài các sản phẩm của nhóm 48.14 hoặc 48.21, giấy, bìa hoặc tấm xenlulo, hoặc các sản phẩm từ

(b) Maps, plans or globes, in relief, whether or not printed (heading 90.23);

(c) Playing cards or other goods of Chapter 95; or

(d) Original engravings, prints or lithographs (heading 97.02), postage or revenue stamps, stamp-postmarks, first-day covers, postal stationery or the like of heading 97.04, antiques of an age exceeding one hundred years or other articles of Chapter 97.

2.- For the purposes of Chapter 49, the term "printed" also means reproduced by means of a duplicating machine, produced under the control of an automatic data processing machine, embossed, photographed, photocopied, thermocopied or typewritten.

3.- Newspapers Journals and periodicals which are bound otherwise than in paper, and sets of newspapers, journals or periodicals comprising more than one number under a single cover are to be classified in heading 49.01, whether or not containing advertising material.

4.- Heading 49.01 also covers:

(a) A collection of printed reproductions of, for example, works of art or drawings, with a relative text, put up with numbered pages in a form suitable for binding into one or more volumes;

(b) A pictorial supplement accompanying, and subsidiary to, a bound volume; and

(c) Printed parts of books or booklets, in the form of assembled or separate sheets or signatures, constituting the whole or a part of a complete work and designed for binding.

However, printed pictures or illustrations not bearing a text, whether in the form of signatures or separate sheets, fall in heading 49.11.

5.- Subject to Note 3 to this Chapter, heading 49.01 does not cover publications which are essentially devoted to advertising (for example, brochures, pamphlets, leaflets, trade catalogues, year books published by trade associations, tourist propaganda). Such publications are to be classified in heading 49.11.

6.- For the purposes of heading 49.03, the expression "children's picture books" means books for children in which the pictures form the principal interest and the text is subsidiary.

GENERAL

With the few exceptions referred to below, this Chapter covers all printed matter of which the essential nature and use is determined by the fact of its being printed with motifs, characters or pictorial representations.

On the other hand, besides the goods of heading 48.14 or 48.21, paper, paperboard or cellulose

chúng, việc in ấn chỉ là thứ yếu so với công dụng chính (ví dụ, giấy gói hàng và giấy văn phòng đã được in) thuộc **Chương 48**. Ngoài ra, các sản phẩm dệt đã in như khăn tay hoặc khăn quàng, phần lớn việc in ấn nhằm cho mục đích trang trí và không ảnh hưởng đến đặc tính căn bản của hàng hoá, các loại vải thêu ren và vải bạt làm thảm có in hình vẽ được phân loại vào **Phần XI**.

Các sản phẩm của **nhóm 39.18, 39.19, 48.14** hay **48.21** đều **bị loại trừ khỏi** Chương này, cho dù chúng đã in hoa văn, các ký tự hoặc biểu tượng tranh ảnh, mà không chỉ đơn thuần là phụ trợ cho công dụng chính của sản phẩm đó.

Theo mục đích Chương này, thuật ngữ "đã in" không chỉ bao gồm việc sao chép bằng một số biện pháp in thủ công (ví dụ, bản in từ bản khắc hoặc tranh khắc gỗ, trừ các nguyên bản) hoặc in cơ học (in nổi, offset, in lytô, in ảnh...), mà còn bao gồm việc sao chép bằng các máy nhân bản, sản xuất bằng việc điều khiển một máy xử lý dữ liệu tự động, rập nổi, chụp ảnh, photocopy, copy nhiệt hoặc đánh máy (xem Chú giải 2 của Chương này), không tính đến hình dạng ký tự sử dụng (ví dụ, ký tự bằng chữ cái, con số, ký hiệu tốc ký (ký hiệu viết tắt), ký hiệu morse hoặc các ký tự mật mã khác, chữ nổi Braille (ký tự chữ nổi cho người mù), ký hiệu âm nhạc, hình ảnh, biểu đồ). Thuật ngữ này, tuy vậy, **không bao gồm** nhuộm màu hoặc in ấn trang trí hoặc in ấn thiết kế lặp lại.

Chương này cũng bao gồm các sản phẩm tương tự được làm thủ công (kể cả bản đồ và sơ đồ vẽ tay), cũng như các bản sao thu được trên giấy than của văn bản viết tay hoặc đánh máy.

Nói chung, các mặt hàng của Chương này được thực hiện trên giấy nhưng các hàng hóa đó có thể trên các chất liệu khác với điều kiện là những chất liệu đó có các đặc trưng được mô tả trong đoạn đầu tiên của Chú giải Tổng quát này. Tuy nhiên, các mẫu tự, con số, biển báo và các motif tương tự cho các biển hiệu cửa hàng và tủ kính bày hàng, có tranh minh họa hoặc lời được in, bằng sứ, bằng thủy tinh, hoặc bằng kim loại thường thì được lần lượt phân loại trong các **nhóm 69.14, 70.20 và 83.10**, hoặc trong **nhóm 94.05** nếu chúng được chiếu sáng.

Ngoài mẫu chung của các ấn phẩm (sách, báo, tập sách nhỏ, hình ảnh, ấn phẩm quảng cáo), Chương này còn bao gồm những ấn phẩm như hình đề can; bưu thiếp, bưu ảnh, thiếp mừng đã in hoặc có hình minh họa; lịch, bản đồ, sơ đồ và bản vẽ; tem bưu chính, tem thuế hoặc các loại tem tương tự. Các bản sao thu nhỏ trên nền mờ đục, của sản phẩm thuộc Chương này, được xếp vào nhóm 49.11. Những bản sao thu nhỏ thu được thông qua thiết bị quang học thu nhỏ đáng kể kích thước tài liệu được chụp; để đọc được những bản sao thu nhỏ cần phải dùng đến thiết bị phóng to.

Chương này cũng **không bao gồm**:

wadding, or articles thereof, in which the printing is merely subsidiary to their primary use (e.g., printed wrapping paper and printed stationery) fall in Chapter 48. Also, printed textile articles such as scarves or handkerchiefs, in which the printing is mainly for decorative or novelty purposes and does not affect the essential character of the goods, embroidery fabrics and prepared tapestry canvases bearing printed designs fall in **Section XI**.

Goods of **heading 39.18, 39.19, 48.14** or **48.21** are also **excluded** from this Chapter, even if they are printed with motifs, characters or pictorial representations, which are not merely subsidiary to the primary use of the goods.

For the purposes of this Chapter, the term "printed" includes not only reproduction by the several methods of ordinary hand printing (e.g., prints from engravings or woodcuts, other than originals) or mechanical printing (letterpress, offset printing, lithography, photogravure, etc.), but also reproduction by duplicating machines, production under the control of an automatic data processing machine, embossing, photography, photocopying thermocopying or typewriting (see Note 2 to this Chapter), irrespective of the form of the characters in which the printing is executed (e.g., letters of any alphabet, figures, shorthand signs, Morse or other code symbols, Braille characters, musical notations, pictures, diagrams). The term **does not**, however, **include** coloration or decorative or repetitive-design printing.

The Chapter also includes similar products executed by hand (including hand-drawn maps and plans), as well as carbon copies of hand-written or typewritten texts.

In general the goods of this Chapter are executed on paper but the goods may be on other materials provided they have the characteristics described in the first paragraph of this General Explanatory Note. However, letters, numbers, sign-plates and similar motifs for shop signs and shop windows, bearing a printed picture or text, of ceramics, of glass, or of base metal are classifiable in **headings 69.14, 70.20** and **83.10** respectively, or in **heading 94.05** if illuminated.

In addition to the more common forms of printed products (e.g., books, newspapers, pamphlets, pictures, advertising matter), this Chapter covers such articles as : printed transfers (decalcomanias); printed or illustrated postcards, greeting cards; calendars, maps, plans and drawings; postage, revenue or similar stamps. Microcopies on opaque bases, of articles of this Chapter, are classified in heading 49.11. Microcopies are obtained by means of an optical device which greatly reduces the dimensions of the documents photographed; microcopies normally need to be read by means of a magnifying device.

This Chapter also **excludes** :

(a) Phim tạo ảnh âm bản hoặc dương bản trên một nền trong suốt (ví dụ, microfilm) thuộc **Chương 37**.

(b) Các sản phẩm của **Chương 97**.

49.01 - Các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm in tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn.

4901.10 - Dạng tờ đơn, có hoặc không gấp

- Loại khác:

4901.91 - - Từ điển và bộ bách khoa toàn thư, và các phụ trương của chúng

4901.99 - - Loại khác

Nói chung, nhóm này bao gồm hầu như tất cả các xuất bản phẩm và ấn phẩm đọc, có hoặc không có minh họa, trừ các ấn phẩm quảng cáo và sản phẩm được chi tiết cụ thể hơn ở các nhóm khác của Chương này (cụ thể là **nhóm 49.02, 49.03** hay **49.04**). Nhóm này bao gồm:

(A) **Sách và sách nhỏ** bao gồm về cơ bản văn bản các loại, và được in bởi ngôn ngữ hoặc ký tự bất kỳ, kể cả chữ nổi Braille hoặc chữ tắc ký. Các ấn phẩm này bao gồm tác phẩm văn học mọi thể loại, sách giáo khoa (kể cả sách bài tập giáo dục, đôi khi còn được gọi là vở viết), có hoặc không có chuyện kể, chứa những câu hỏi hoặc bài tập (thường có khoảng trống để hoàn thành bằng cách viết tay); ấn phẩm xuất bản kỹ thuật; sách tham khảo như từ điển, bách khoa toàn thư và niên giám (ví dụ, niên giám điện thoại, kể cả "những trang vàng"); catalog cho bảo tàng và thư viện công cộng (nhưng **loại trừ** catalog thương mại); sách tôn giáo như sách cầu nguyện và sách thánh ca (**trừ** sách thánh ca nhạc của **nhóm 49.04**); sách cho trẻ em (trừ sách tranh, vẽ hoặc tô màu của trẻ em thuộc **nhóm 49.03**). Các sách này có thể được đóng (bằng giấy hoặc bìa mềm hoặc bìa cứng) thành một hoặc nhiều tập, hoặc có thể dưới dạng các tờ được in bao gồm toàn bộ hoặc một phần tác phẩm và được thiết kế để đóng lại với nhau.

Vỏ bọc sách, móc cài, dấu sách và các phụ kiện nhỏ khác đi kèm sách được xem như bộ phận hợp thành của sách.

(B) **Sách gấp (brochure), sách chuyên đề (pamphlet) và tờ rơi**, gồm một vài tờ được ghim lại (ví dụ, đập ghim), hoặc các tờ không được ghim, hoặc thậm chí là các tờ đơn.

Loại này bao gồm các xuất bản phẩm như các luận án khoa học và tài liệu chuyên khảo ngắn, thông báo hướng dẫn, ... do các cơ quan chính phủ hoặc cơ quan khác ban hành, luận văn ngắn (in thành sách nhỏ, thường về vấn đề tôn giáo), các tờ thánh ca...

Nhóm này **loại trừ** các tấm thiệp đã in chứa lời chúc, thông điệp hoặc thông báo cá nhân (**nhóm 49.09**), và các dạng đã in có khoảng trống để điền thêm một số thông tin nhất định (**nhóm 49.11**).

(a) Photographic negatives or positives on transparent bases (for example, microfilms) of **Chapter 37**.

(b) Goods of **Chapter 97**.

49.01- Printed books, brochures, leaflets and similar printed matter, whether or not in single sheets.

4901.10 - In single sheets, whether or not folded

- Other:

4901.91 - - Dictionaries and encyclopaedias, and serial instalments thereof

4901.99 - - Other

This heading covers virtually all publications and printed reading matter, illustrated or not, with the **exception** of publicity matter and products more specifically covered by other headings of the Chapter (particularly **heading 49.02, 49.03** or **49.04**). It includes :

(A) **Books and booklets** consisting essentially of textual matter of any kind, and printed in any language or characters, including Braille or shorthand. They include literary works of all kinds, text-books (including educational workbooks sometimes called writing books), with or without narrative texts, which contain questions or exercises (usually with spaces for completion in manuscript); technical publications; books of reference such as dictionaries, encyclopaedias and directories (e.g., telephone directories, including "yellow pages"); catalogues for museums and public libraries (but **not** trade catalogues); liturgical books such as prayer books and hymn books (other than music hymn books of **heading 49.04**); children's books (**other than** children's picture, drawing or colouring books of **heading 49.03**). Such books may be bound (in paper or with soft or stiff covers) in one or more volumes, or may be in the form of printed sheets comprising the whole or a part of the complete work and designed for binding.

Dust covers, clasps, book-marks and other minor accessories supplied with the books are regarded as forming part of the book.

(B) **Brochures, pamphlets and leaflets**, whether consisting of several sheets of reading matter fastened together (e.g., stapled), or of unfastened sheets, or even of single sheets.

These include publications such as: shorter scientific theses and monographs, instruction notices, etc., issued by government departments or other bodies, tracts, hymn sheets, etc.

This group **excludes** printed cards bearing personal greetings, messages or announcements (**heading 49.09**), and printed forms which require the

(C) Văn bản in trên các tờ đóng bằng kẹp cơ động (loose-leaf binder).

Nhóm này cũng bao gồm:

(1) Các loại báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ được đóng bìa không phải bìa giấy mềm, và các bộ báo, tạp chí chuyên ngành hoặc xuất bản phẩm định kỳ được đóng thành tập có từ 2 số trở lên trong một bìa thì phải được phân loại vào nhóm 49.01, có hoặc không chứa tư liệu quảng cáo.

(2) Sách tranh có gáy (**trừ** sách tranh cho trẻ em thuộc **nhóm 49.03**).

(3) Bộ sưu tập các tái bản đã in của tác phẩm nghệ thuật, tranh vẽ..., đi kèm theo một văn bản liên quan (ví dụ, tiểu sử của nghệ sĩ), có trang được đánh số và phù hợp để đóng gáy.

(4) Một phụ lục ảnh đi kèm, và bổ sung cho, một tập được đóng gáy chứa các văn bản có liên quan.

Các xuất bản phẩm ảnh khác bị **loại trừ** và thường thuộc **nhóm 49.11**.

Theo Chú giải 3 của Chương này, nhóm này **cũng** loại trừ tất cả xuất bản phẩm chủ yếu dành cho việc quảng cáo (kể cả tuyên truyền du lịch) và các loại được xuất bản bởi thương nhân hoặc đại diện của thương nhân cho các mục đích quảng cáo mặc dù chủ đề không mang tính chất trực tiếp là quảng cáo. Những xuất bản phẩm quảng cáo này gồm, ví dụ, catalogue thương mại, niên giám được xuất bản bởi các hiệp hội thương mại có chứa một phần tư liệu, cùng với một lượng lớn các văn bản quảng cáo bởi các thành viên của hiệp hội đó và các xuất bản phẩm gây chú ý tới sản phẩm hoặc dịch vụ mà nhà xuất bản cung cấp. Nhóm này cũng không bao gồm các xuất bản phẩm có quảng cáo gián tiếp hoặc ngụ ý, tức là, các xuất bản phẩm, mặc dù chủ yếu nhằm mục đích quảng cáo, nhưng trình bày có vẻ không giống quảng cáo.

Mặt khác, các xuất bản phẩm như luận văn khoa học được xuất bản bởi hoặc cho các hãng công nghiệp và các xuất bản phẩm đồ chỉ đơn thuần mô tả xu hướng hoặc tiến trình hoặc các hoạt động của một ngành công nghiệp hoặc thương mại, nhưng không mang tính quảng cáo trực tiếp hay gián tiếp có thể được phân loại vào nhóm này.

Nhóm này hơn nữa **không** bao gồm:

(a) Giấy để copy và giấy chuyển, chứa các văn bản hoặc hình vẽ để sao lại, được đóng liên tục (**nhóm 48.16**).

(b) Các nhật ký và sách văn phòng khác thuộc **nhóm 48.20**, là các loại mà chủ yếu phải hoàn thành bằng cách viết tay hoặc đánh máy.

insertion of certain additional information for completion (**heading 49.11**).

(C) Textual matter in the form of sheets for binding in loose-leaf binders.

The heading also covers :

(1) Newspapers, journals and periodicals bound otherwise than in paper, and sets of newspapers, journals or periodicals comprising more than one number under a single cover, whether or not containing advertising material.

(2) Bound picture books (**other than** children's picture books of **heading 49.03**).

(3) A collection of printed reproductions of works of art, drawings, etc., with a relative text (for example, a biography of the artist), put up with numbered pages and forming a whole suitable for binding.

(4) A pictorial supplement accompanying, and subsidiary to, a bound volume containing the relative text.

Other pictorial publications are **excluded** and generally fall in **heading 49.11**.

Subject to Chapter Note 3, the heading also **excludes** all publications essentially devoted to advertising (including tourist propaganda) and those which are published by or on behalf of a trader for publicity purposes, even though those of the latter kind may consist of matter not of direct advertising value. Such advertising publications include, for example, trade catalogues, year books published by trade associations containing a certain amount of informative matter, together with a substantial number of advertisements by members of the association and publications drawing attention to the products or services supplied by the publisher. The heading also does not cover publications containing indirect or concealed publicity, i.e., publications which, though essentially devoted to advertising, are so presented as to make it seem that advertising is not the intended purpose.

On the other hand, such publications as scientific theses published by or for industrial firms and those publications merely describing trends or progress or activity in a particular branch of commerce or industry, but not having direct or indirect publicity value may fall in this heading.

The heading further **excludes**:

(a) Copying and transfer papers, bearing texts or designs for reproduction, bound in sequence (**heading 48.16**).

(b) Diaries and other stationery books of **heading 48.20**, that is those which are essentially for completion in manuscript or typescript.

(c) Báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ dưới dạng các tờ đơn, chưa được hoặc được đóng bìa chỉ bằng giấy mềm (**nhóm 49.02**)

(d) Sách bài tập dành cho trẻ em bao gồm chủ yếu các minh họa đi kèm nội dung mang tính chất bổ sung, dùng làm bài tập viết hoặc dạng bài tập khác (**nhóm 49.03**).

(e) Sách âm nhạc (**nhóm 49.04**).

(f) Tập bản đồ (**nhóm 49.05**).

(g) Các phần của sách, dù dưới dạng ký hiệu hoặc tờ rời, bao gồm phần tranh không có văn bản (**nhóm 49.11**).

49.02 - Báo, tạp chí chuyên ngành và các ấn phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo.

4902.10 - Phát hành ít nhất 4 lần trong một tuần

4902.90 - Loại khác

Đặc điểm phân biệt của các ấn phẩm thuộc nhóm này là chúng được xuất bản thành số liên tục dưới cùng một tên theo các khoảng thời gian đều đặn, mỗi số phát hành đều có ghi ngày tháng (thậm chí chỉ ghi đơn giản về một thời kỳ trong năm, ví dụ, “Mùa xuân 1996”) và thông thường đánh số thứ tự. Chúng có thể chưa đóng gáy hoặc đã đóng gáy bằng bìa giấy mềm (in paper), nhưng nếu đóng gáy bằng cách khác hoặc nếu bao gồm hơn một lần phát hành trong một bìa đơn, chúng bị **loại trừ (nhóm 49.01)**. Các ấn phẩm này thường chủ yếu là nội dung văn bản nhưng chúng cũng có thể được minh họa phong phú và thậm chí chủ yếu gồm tranh minh họa. Chúng cũng có thể bao gồm nội dung quảng cáo.

Nhóm này bao gồm các loại xuất bản phẩm sau:

(1) **Báo**, hàng ngày hoặc hàng tuần, xuất bản dưới hình thức các tờ ấn phẩm chưa đóng gáy chủ yếu bao gồm tin tức thời sự hiện hành có sự quan tâm chung, thường cùng với các bài viết về các chủ đề về thời sự, lịch sử, tiêu sử..., sở thích. Chúng cũng thường dành một lượng không gian đáng kể cho minh họa hoặc quảng cáo.

(2) **Tạp chí chuyên ngành và các ấn phẩm định kỳ khác**, được phát hành hàng tuần, nửa tháng, hàng tháng, hàng quý hoặc nửa năm, hoặc dưới dạng như báo hoặc xuất bản dưới dạng ấn phẩm được đóng gáy. Chúng có thể chủ yếu dành cho việc công bố tin tức về các vấn đề có tính chất chuyên ngành hoặc các vấn đề theo lĩnh vực (ví dụ, pháp lý, y tế, tài chính, thương mại, thời trang hoặc thể thao), trong trường hợp này, chúng thường được xuất bản bởi hoặc cho các tổ chức quan tâm đến vấn đề này. Hoặc chúng có thể bao gồm vấn đề quan tâm tổng quát hơn, như tạp chí hư cấu thông thường. Loại này bao gồm các ấn phẩm định kỳ được phát hành bởi hoặc dưới danh nghĩa của các hãng công nghiệp (ví dụ, nhà sản xuất ô tô) để lôi cuốn sự chú ý đối với sản phẩm của họ, các tạp chí thường dành riêng cho nhân viên của hãng sử dụng..., các tổ chức có liên quan và các ấn phẩm định kỳ như các tạp chí thời trang có thể được xuất bản bởi một

(c) Newspapers, journals and periodicals in single copies, unbound or bound only in paper (**heading 49.02**).

(d) Children's workbooks consisting essentially of pictures with complementary texts, for writing or other exercises (**heading 49.03**).

(e) Music books (**heading 49.04**).

(f) Atlases (**heading 49.05**).

(g) Parts of books, whether in the form of signatures or separate sheets, consisting of pictorial matter without a printed text (**heading 49.11**).

49.02- Newspapers, journals and periodicals, whether or not illustrated or containing advertising material.

4902.10 - Appearing at least four times a week

4902.90 - Other

The distinguishing feature of the publications of this heading is that they constitute one issue in a continuous series under the same title published at regular intervals, each issue being dated (even by merely indicating the period of the year, e.g., “Spring 1996”) and also frequently numbered. They may be unbound or bound in paper, but if otherwise bound or if consisting of more than one issue under a single cover, they are **excluded (heading 49.01)**. These publications usually consist essentially of reading matter but they may also be profusely illustrated and may even consist mainly of pictorial matter. They may also contain advertising material.

The types of publications covered by the heading include :

(1) **Newspapers**, daily or weekly, in the form of unbound sheets of printed matter consisting mainly of current news of general interest, together usually with literary articles on Subjects of current, historical, biographical, etc., interest. They also generally devote a considerable amount of space to illustrations and advertisements.

(2) **Journals and other periodicals**, issued weekly, fortnightly, monthly, quarterly or half-yearly, either in the form of newspapers or as paperbound publications. They may be mainly devoted to the publication of intelligence on Subjects of a specialised nature or sectional interest (e.g., legal, medical, financial, commercial, fashion or sporting), in which case they are frequently published by or for organisations of the interests concerned. Or they may be of more general interest, such as the ordinary fiction magazine. These include periodicals published by or for named industrial concerns (e.g., motor car manufacturers) to promote interest in their products, staff journals normally having circulation only within the industrial, etc., organisations concerned and periodicals such as fashion

công ty thương mại hoặc một hiệp hội cho mục đích quảng cáo.

Các phần của tác phẩm lớn (như sách tham khảo) đôi khi được xuất bản theo hàng tuần, nửa tháng..., các phần đăng báo mỗi lần vượt quá một khoảng thời gian giới hạn và đã được xác định trước thì không được xem như các ấn phẩm định kỳ mà được phân loại vào **nhóm 49.01**.

Các phụ trương như đồ họa, tranh ảnh..., phát hành kèm với báo hoặc ấn phẩm định kỳ và thường được bán cùng với chúng, được xem như một phần của các ấn phẩm này.

Giấy phế liệu bao gồm báo cũ, tạp chí chuyên ngành cũ hoặc ấn phẩm định kỳ cũ thuộc **nhóm 47.07**.

49.03 - Sách tranh ảnh, sách vẽ hoặc sách tô màu cho trẻ em.

Nhóm này **giới hạn** trong các sách tranh ảnh biên soạn rõ ràng theo mỗi quan tâm và sở thích của trẻ em hoặc để hướng dẫn trẻ em các bước đầu tiên vào bậc tiểu học, **với điều kiện** tranh ảnh là sự tập trung chính còn văn bản chỉ mang tính thứ yếu (xem Chú giải 6 của Chương này).

Loại này bao gồm, ví dụ, các sách vỡ lòng có hình ảnh và các sách trong đó ý nghĩa của câu chuyện được minh họa bằng hàng loạt các hình vẽ kèm theo chú thích giải đơn hay lời kể tóm tắt liên quan đến từng hình vẽ. Loại này cũng bao gồm những cuốn sách bài tập cho trẻ em bao gồm chủ yếu các hình vẽ đi kèm theo lời văn mang tính chất bổ sung, dùng làm các bài tập viết hoặc bài tập khác.

Nhóm này **không bao gồm** các sách, cho dù được minh họa phong phú, được biên tập dưới hình thức chuyện kể liên tục kèm theo các hình ảnh minh họa của một số phần chọn lọc. Các ấn phẩm này được phân loại vào **nhóm 49.01**.

Các sách thuộc nhóm này có thể được in trên giấy, vật liệu dệt,... và kể cả các sách vải dành cho trẻ em.

Sách tranh ảnh dành cho trẻ em chứa các minh họa có thể chuyển động được hoặc có hình nổi (“stand-up”) cũng thuộc nhóm này nhưng nếu sản phẩm này về cơ bản là đồ chơi thì bị **loại trừ (Chương 95)**. Tương tự, một cuốn sách có hình ảnh dành cho trẻ em chứa các tranh minh họa hoặc các mô hình để cắt ra vẫn được phân loại vào nhóm này **với điều kiện** các phần cắt ra chỉ là yếu tố thứ yếu, nhưng nếu hơn một nửa các trang (kể cả bìa) được thiết kế cho cắt rời, dù toàn bộ hay một phần, thì sản phẩm đó, thậm chí nếu chứa một tỉ lệ nhất định văn bản, được xem như đồ chơi (**Chương 95**).

Nhóm này cũng bao gồm sách học vẽ hoặc tô màu dành cho trẻ em. Loại này chủ yếu gồm các trang được đóng gáy (đôi khi dưới hình thức bưu thiếp có thể tháo ra được) chứa các hình ảnh đơn giản để chép lại, hoặc đường nét của các hình ảnh, có hoặc không có hướng dẫn, để hoàn thành bằng cách vẽ hoặc tô màu; đôi khi sách còn bao gồm các minh họa có tô màu cho mục đích hướng dẫn. Chúng cũng bao gồm các sách trong tự có các đường nét hoặc màu “vô hình” (“invisible”), mà có thể hiện lên bằng cách cọ bằng bút chì hoặc làm ẩm bằng

magazines which may be issued by a trader or an association for publicity purposes.

Parts of large works (such as books of reference) sometimes published in weekly, fortnightly, etc., instalments over a limited and predetermined period are not regarded as periodicals but are classified in heading **49.01**.

Supplements such as pictures, patterns, etc., issued with newspapers or periodicals and normally sold therewith, are regarded as forming part of the publication.

Waste paper consisting of old newspapers, journals or periodicals falls in **heading 47.07**.

49.03 - Children’s picture, drawing or colouring books.

This heading is **restricted** to those picture books clearly compiled for the interest or amusement of children or for guidance in their first steps of primary education, **provided** the pictures form the principal interest and are not subsidiary to the text (see Note 6 to this Chapter).

This category includes, for example, pictorial alphabet books and books of the kind in which the sense of stories is conveyed by a series of episodal pictures accompanied by captions or summary narratives related to the individual pictures. It also includes children’s workbooks consisting essentially of pictures with complementary texts, for writing or other exercises.

It **does not include** books, even profusely illustrated, written in the form of continuous narratives with illustrations of selected episodes. These fall in **heading 49.01**.

The books of this heading may be printed on paper, textile, etc., and include children’s rag books.

A child’s picture book incorporating “stand-up” or movable figures also falls in this heading but if the article is essentially a toy it is **excluded (Chapter 95)**. Similarly, a child’s picture book containing pictures or models for cutting out remains in this heading **provided** the “cut-out” portions are a minor feature, but if more than half the pages (including covers) are designed for cutting out, whether wholly or in part, the article, even if also containing a certain amount of text, is regarded as a toy (**Chapter 95**).

This heading also includes children’s drawing or colouring books. These consist mainly of bound pages (sometimes in the form of detachable postcards) containing simple pictures for copying, or outlines of pictures, with or without printed instructions, for completion by drawing or colouring; sometimes coloured illustrations for guidance are incorporated. They also include similar books with “invisible” outlines or colour which can be made visible by rubbing with a

cách dùng chổi vẽ, và cũng bao gồm các sách trong đó một lượng nhỏ màu nước cần thiết để tô màu có chứa trong sách (ví dụ, dưới dạng bảng màu).

49.04 - Bản nhạc, in hoặc viết tay, đã hoặc chưa đóng thành quyển hoặc minh họa tranh ảnh.

Nhóm này bao gồm các bản nhạc thuộc mọi thể loại, cho nhạc cụ hoặc thanh nhạc, đã in hoặc viết tay, đã hay chưa được đóng thành quyển hoặc được minh họa tranh ảnh, và bằng bất kỳ hệ thống ghi chép nào (ví dụ, phép xướng âm, ký âm, ký âm số, bản nhạc in nổi dành cho người mù).

Các bản nhạc thuộc nhóm này có thể được in hoặc viết trên giấy hoặc các chất liệu khác và có thể ở dạng tờ rời (kể cả bìa), sách được đóng gáy,... có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc có lời đi kèm.

Ngoài các hình thức phổ biến của bản nhạc được in hoặc viết tay, nhóm này bao gồm các sản phẩm như sách thánh ca, bản đàn bè (kể cả ở khổ nhỏ) và sách hướng dẫn âm nhạc (cho dạy kèm), **với điều kiện là** chúng bao gồm các bài âm nhạc thực hành hoặc luyện tập cũng như lời chỉ dẫn.

Vỏ bọc ngoài đi kèm với bản nhạc trên được coi như một phần cấu thành của bản nhạc.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Sách in, catalogue, ..., có chứa các ký hiệu âm nhạc mà chỉ đơn thuần là phụ trợ hoặc minh họa cho nội dung, ví dụ, một chủ đề hoặc motif cụ thể đề cập đến trong nội dung của cuốn sách (**nhóm 49.01 hoặc 49.11**)

(b) Thẻ, đĩa và trục quay cho nhạc cụ cơ học (**nhóm 92.09**).

49.05 - Bản đồ và biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự, kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in.

4905.20 - - Dạng quyển

4905.90 - - Loại khác

Nhóm này gồm các quả địa cầu đã in (ví dụ, trái đất, mặt trăng hoặc các thiên thể), bản đồ, biểu đồ và sơ đồ in nhằm thể hiện các đặc điểm tự nhiên hoặc nhân tạo của đất nước, thị trấn, vùng biển, vùng trời..., các ký hiệu quy ước để chỉ đường biên... Bản đồ và biểu đồ có các thông tin quảng cáo vẫn được phân loại trong nhóm này.

Các sản phẩm này có thể được in trên giấy hoặc các vật liệu khác (ví dụ, vải), được gia cố hay không, và có thể ở dạng tờ đơn hoặc tờ gấp, hoặc bao gồm một bộ các tờ trên được đóng lại dưới dạng sách (ví dụ, tập bản đồ). Các mặt hàng này có thể được gắn với chỉ dẫn di động và con lăn, và có thể có vỏ bảo vệ trong suốt hoặc các phụ kiện khác.

Nhóm này bao gồm, *không kể những cái khác*:

pencil or applying water with a paint brush, and also books in which the small amounts of water colour required for colouring are contained in the book (e.g., in the form of a palette).

49.04 - Music, printed or in manuscript, whether or not bound or illustrated.

This heading covers music of all kinds, instrumental or vocal, printed or in manuscript, whether or not bound or illustrated, and whatever the system of notation (e.g., tonic sol-fa, staff notation, numerical symbols, Braille music).

The music in this heading may be printed or written on paper or other material and may be in the form of separate sheets (including paperboards), bound books, etc., whether or not illustrated or with accompanying words.

In addition to the more common forms of printed or manuscript music, this heading includes such productions as music hymn books, scores (including miniature) and music instruction books (tutors), provided they contain practice pieces and exercises as well as an instructional text.

Dust covers supplied with such music are regarded as forming a part thereof.

This heading **does not include** :

(a) Printed books, catalogues, etc., containing musical notation which is merely subsidiary or illustrative of the text, e.g., a particular theme or motif referred to in the text of a book (**heading 49.01 or 49.11**).

(b) Cards, discs and rolls for mechanical instruments (**heading 92.09**).

49.05 - Maps and hydrographic or similar charts of all kinds, including atlases, wall maps, topographical plans and globes, printed.

4905.20 - - In book form

4905.90 - - Other

This heading covers all printed globes (for example, terrestrial, lunar or celestial), maps, charts and plans designed to represent the natural or artificial features of countries, towns, seas, the heavens, etc., conventional signs being used to indicate contours, etc. Maps and charts incorporating advertising matter remain classified in this heading.

These products may be printed on paper or other material (e.g., cloth), reinforced or not, and may be in the form of single or folded sheets, or consist of a collection of such sheets bound together in book form (e.g., an atlas). The articles may be fitted with movable indicators and rollers, and may have transparent protective coverings or other accessories.

The heading includes, *inter alia* :

Bản đồ địa lý (kể cả các phần của quả địa cầu), bản đồ đường bộ, bản đồ treo tường, tập bản đồ, bản đồ thủy văn, biểu đồ địa lý và thiên văn, khảo sát địa chất, bản đồ địa chính (ví dụ, sơ đồ thành phố hoặc huyện).

Nhóm này cũng bao gồm các quả địa cầu đã in có chiếu sáng bên trong, **với điều kiện** là chúng không phải là đồ chơi.

Nhóm này **không bao gồm**:

- (a) Sách có bản đồ hoặc sơ đồ đóng vai trò thứ yếu (**nhóm 49.01**).
- (b) Bản đồ, sơ đồ vẽ tay, ..., các bản sao của chúng thu được nhờ giấy carbon cũng như các bản sao chụp ảnh của chúng (**nhóm 49.06**).
- (c) Ảnh chụp trên không hoặc ảnh toàn phong cảnh, có hoặc không chính xác về mặt địa chính, **với điều kiện** chúng không được cấu thành như bản đồ, biểu đồ hoặc sơ đồ hoàn chỉnh (**nhóm 49.11**).
- (d) Lược đồ được thiết kế bằng hình ảnh minh họa phù hợp để biểu thị các hoạt động của ngành công nghiệp cụ thể, du lịch hoặc các hoạt động khác, các phác thảo của hệ thống đường sắt, vv, của một quốc gia hoặc quận huyện (**nhóm 49.11**).
- (e) Sản phẩm dệt, ví dụ, khăn quàng cổ hoặc khăn tay có in bản đồ để trang trí (**Phần XI**).
- (f) Bản đồ, sơ đồ và quả cầu, dạng nổi, đã hoặc chưa được in (**nhóm 90.23**).

49.06 - Các loại sơ đồ và bản vẽ cho kiến trúc, kỹ thuật, công nghiệp, thương mại, địa hình hoặc các mục đích tương tự, là bản gốc vẽ tay; văn bản viết tay; các bản sao chụp lại bằng giấy có phủ lớp chất nhạy và bằng giấy than của các loại kể trên.

Nhóm này bao gồm sơ đồ và bản vẽ công nghiệp mà mục đích của chúng, nhìn chung, nhằm biểu thị vị trí và tương quan giữa các phần hoặc các đặc trưng của toà nhà, máy móc hoặc các công trình xây dựng khác như chúng trong thực tế, hoặc để hướng dẫn người xây dựng hoặc người sản xuất trong việc xây dựng (ví dụ, bản sơ đồ và bản vẽ của kiến trúc sư hoặc kỹ sư). Các sơ đồ và bản vẽ này có thể bao gồm các chi tiết kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, ..., đã in hoặc chưa in.

Nhóm này cũng bao gồm các bản vẽ và phác thảo cho mục đích quảng cáo (ví dụ, bản vẽ thời trang, thiết kế poster, thiết kế đồ gốm, giấy dán tường, trang sức, nội thất).

Cần lưu ý rằng các sản phẩm này **chỉ** được phân loại vào nhóm này nếu bao gồm các bản vẽ gốc hoặc viết bằng tay, hoặc là các bản sao ảnh trên giấy phủ chất nhạy hoặc bao gồm các bản sao trên giấy carbon của các bản gốc này.

Bản đồ, biểu đồ và bản vẽ địa chính mà, khi được in thì thuộc nhóm 49.05, thuộc nhóm này nếu là bản gốc được vẽ bằng tay hoặc là bản sao thực hiện trên giấy carbon hoặc bản sao ảnh trên giấy phủ chất nhạy.

Geographical maps (including sectors for globes), road maps, wall maps, atlases, hydrographic, geographical and astronomical charts, geological surveys, topographical plans (e.g., plans of towns or districts).

It also covers printed globes with internal lighting, provided they are not merely toys.

The heading **does not include** :

- (a) Books containing maps or plans as a subsidiary feature (**heading 49.01**).
- (b) Hand-drawn maps, plans, etc., their carbon copies and their photographic reproductions (**heading 49.06**).
- (c) Aerial survey or landscape photographs, whether or not topographically accurate, **provided** that they are not prepared as finished maps, charts or plans (**heading 49.11**).
- (d) Schematic maps designed to show by suitable illustrations the particular industrial, tourist or other activities, the outline of railway systems, etc., of a country or district (**heading 49.11**).
- (e) Textile articles, e.g., scarves or handkerchiefs, containing prints of maps for ornamental or decorative purposes (**Section XI**).
- (f) Maps, plans and globes, in relief whether or not printed (**heading 90.23**).

49.06- Plans and drawings for architectural, engineering, industrial, commercial, topographical or similar purposes, being originals drawn by hand; hand-written texts; photographic reproductions on sensitised paper and carbon copies of the foregoing.

This heading covers industrial plans and drawings the purpose of which, generally, is to indicate the position and relation of parts or features of buildings, machinery or other constructions either as they exist, or for the guidance of builders or manufacturers in their construction (e.g., architects' or engineers' plans and drawings). The plans and drawings may include specifications, directions, etc., printed or not.

This heading also includes drawings and sketches for publicity purposes (e.g., fashion drawings, poster designs, designs for pottery, wallpaper, jewellery, furniture).

It should be noted that such products fall in the heading **only** if consisting of originals drawn or written by hand, or of photographic reproductions on sensitised paper or of carbon copies of such originals.

Maps, charts and topographical plans which, when printed, fall in heading 49.05, are included in this heading if they are the hand-drawn originals or

Các văn bản viết bằng tay (kể cả tốc ký nhưng **không bao gồm** bản nhạc), và các bản sao bằng giấy carbon của chúng hoặc bản sao ảnh trên giấy phủ chất nhạy của các văn bản trên, cũng thuộc nhóm này dù được đóng gáy hay chưa.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Giấy copy và giấy chuyển, chứa văn bản viết tay hoặc đánh máy để sao lại (**nhóm 48.16**).

(b) Sơ đồ và bản vẽ đã in (**nhóm 49.05** hoặc **49.11**).

(c) Văn bản được đánh máy (kể cả bản sao thu được trên giấy carbon) và bản sao nội dung bản viết tay hoặc đánh máy thu được trên máy sao chụp (**nhóm 49.01** hoặc **49.11**).

49.07- Các loại tem bưu chính, tem thuế hoặc tem tương tự chưa qua sử dụng, loại đang được lưu hành hoặc mới phát hành tại nước mà ở đó chúng có, hoặc sẽ có giá mặt được công nhận; giấy có dấu tem sẵn; các loại giấy bạc ngân hàng (banknotes); mẫu séc; giấy chứng nhận cổ phần, cổ phiếu hoặc trái phiếu và các loại chứng từ sở hữu tương tự.

Đặc điểm của các sản phẩm thuộc nhóm này là khi được phát hành (nếu cần thiết, sau khi hoàn thành và hợp thức hoá) bởi một cấp thẩm quyền thích hợp, chúng có giá trị ủy thác lớn hơn so với giá trị nội tại.

Các sản phẩm này bao gồm:

(A) **Tem in** nếu chưa được sử dụng (tức là, chưa đóng dấu huỷ) và thuộc loại đang được lưu hành hoặc mới phát hành tại nước đó mà chúng có hoặc sẽ có giá trị, mệnh giá được công nhận.

Tem thuộc nhóm này được in trên giấy, thường được bôi chất dính, đa dạng về thiết kế và màu sắc, và chứa các chỉ dẫn được in về giá trị của chúng và đôi khi về cách sử dụng hoặc sử dụng cụ thể mà chúng được dự kiến.

Nhóm này bao gồm:

(1) **Tem bưu điện**, thường được sử dụng để thanh toán trước cước phí bưu điện nhưng tại một số nước cũng sử dụng được như tem thuế (ví dụ, biên lai hoặc chứng nhận). Tem “bưu phí phụ thu” (“Postage due”) để tính thêm tiền cước cho các lá thư không dán đủ tem,... cũng được xếp vào đây.

(2) **Tem thuế** được sử dụng để dán trên tài liệu các loại, tài liệu pháp lý, tài liệu thương mại,... và đôi khi dán lên hàng hoá như là bằng chứng đã trả thuế mà số tiền thuế được biểu thị bởi giá trị của con tem. Tem thuế dưới dạng nhãn dán lên trên một số loại hàng hoá chịu thuế, như bằng chứng đã thanh toán thuế, thuộc nhóm này.

(3) **Các loại tem khác**, ví dụ các loại tem được mua bởi công chúng như là phương tiện thanh toán, bắt buộc hoặc

their carbon copies or photographic reproductions on sensitised paper.

Hand-written texts (including shorthand but **not including** music), and also then carbon copies or photographic reproductions on sensitised paper of such texts, are also included in this heading whether bound or not.

The heading **does not cover** :

(a) Copying and transfer papers, bearing written or typed texts for reproduction (**heading 48.16**).

(b) Printed plans and drawings (**heading 49.05** or **49.11**).

(c) Typescripts (including carbon copies) and copies of manuscripts or typescripts obtained by duplicating machines (**heading 49.01** or **49.11**).

47.07 - Unused postage, revenue or similar stamps of current or new issue in the country in which they have, or will have, a recognised face value; stamp-impressed paper; banknotes; cheque forms; stock, share or bond certificates and similar documents of title.

The characteristic of the products of this heading is that on being issued (if necessary, after completion and validation) by the appropriate authority, they have a fiduciary value in excess of the intrinsic value.

These products comprise :

(A) **Printed stamps** if unused (i.e., uncanceled) and of a kind in current or new issue in the country in which they have, or will have, a recognised face value.

The stamps in this heading are printed on paper, usually gummed, in various designs and colours, and bear printed indications of their value and sometimes of the particular use or uses for which they are intended.

They include:

(1) **Postage stamps**, normally used in prepayment of postal transmission fees but in some countries also usable as revenue stamps (e.g., for receipts or certificates). “Postage due” stamps for surcharging understamped letters, etc., are also included.

(2) **Revenue stamps** used for affixing to documents of various kinds, legal, commercial, etc., and sometimes to goods as evidence of payment of government taxes or duties to the amount indicated by the value of the stamps. Revenue stamps in the form of labels for attachment to certain kinds of dutiable goods, as evidence of the payment of the duties, fall in this heading.

(3) **Other stamps**, for example those for purchase by the public as a means of making payments,

tự nguyện, cho nhà nước và các cơ quan công có thẩm quyền, ví dụ, như phần đóng góp cho phúc lợi nhà nước hoặc các chương trình dịch vụ xã hội khác hoặc tiết kiệm quốc gia.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Phiếu quà tặng dưới dạng tem đôi khi được các nhà bán lẻ phát hành cho khách hàng của họ như quà khuyến mại, tem về đề tài tôn giáo thuộc loại phân phát cho học sinh, tem phát hành bởi các tổ chức từ thiện... nhằm huy động quỹ hoặc để quảng cáo, và "tem tiết kiệm" ("savings stamps") phát hành bởi tổ chức tư nhân hoặc thương mại cho khách hàng (**nhóm 49.11**).

(b) Tem đã qua sử dụng, và tem chưa sử dụng không lưu hành hoặc mới phát hành tại nước đến (**nhóm 97.04**).

(B) **Phong bì, thiếp dưới hình thức thư, bưu thiếp... có in sẵn tem**, chứa các phần in hoặc đóng dấu của tem bưu chính chưa bị đóng dấu hủy loại được mô tả ở trên và đang lưu hành hoặc mới phát hành tại nước mà chúng có, hoặc sẽ có giá trị, mệnh giá được công nhận, hoặc hiện thị dấu bưu chính "đã trả cước trước" ("reply paid").

(C) **Giấy có dấu tem sẵn khác** như mẫu chính thức, mẫu đơn trống (ví dụ, các văn bản pháp lý phải nộp thuế), được in hoặc dập nổi với tem thuế.

(D) **Các loại giấy bạc ngân hàng (banknote)**. Thuật ngữ này bao gồm các tờ kỳ phiếu thuộc mọi mệnh giá được phát hành bởi nhà nước hoặc các ngân hàng phát hành được phê chuẩn để sử dụng như tiền tệ hoặc tiền pháp định cả trong nước phát hành cũng như các nước khác. Nó bao gồm các loại giấy bạc ngân hàng mà, tại thời điểm xuất trình, chưa có giá trị hoặc không còn lưu hành pháp lý ở bất cứ nước nào. Tuy nhiên, các loại giấy bạc ngân hàng là vật phẩm sưu tập hoặc tạo thành một bộ sưu tập, được phân loại vào **nhóm 97.05**.

(E) **Mẫu séc** là các mẫu séc còn để trống, đã đóng dấu tem hoặc không đóng dấu tem, thường có bì bằng giấy, ở dạng cuốn sổ nhỏ, và được phát hành bởi các ngân hàng, kể cả các ngân hàng bưu điện ở một số quốc gia, dùng cho khách hàng của họ.

(F) **Chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu và các loại chứng từ tương tự**. Đây là các chứng từ chính thức được phát hành, hoặc để phát hành, bởi các tổ chức công hoặc tư để trao quyền sở hữu, hoặc quyền đối với, một số quyền lợi tài chính, hàng hóa hoặc lợi ích được ghi trên đó. Ngoài các loại giấy chứng chỉ trên, các chứng từ này bao gồm cả thư tín dụng, hối phiếu, séc du lịch, vận đơn đường biển, chứng thư sở hữu và phiếu cổ tức. Chúng thường yêu cầu điền và xác nhận.

Tiền giấy, mẫu séc, và chứng khoán,... các chứng chỉ này thường được in trên giấy đặc biệt có hình bóng nước đặc biệt hoặc dấu ấn khác, và thường được đánh số sêri. Tuy nhiên, vé số được in trên giấy an ninh đặc biệt và được gắn sê ri bị loại trừ khỏi nhóm này và thường được phân loại vào **nhóm 49.11**.

compulsory or voluntary, to the State or other public authorities, e.g., as contributions to State welfare or other social service schemes or as national savings.

This heading **does not include**:

(a) Vouchers in the form of stamps sometimes issued by retailers to their customers as a rebate on purchases, religious stamps of a kind issued to school children, stamps issued by charitable organisations, etc., as a means of raising funds or obtaining publicity, and "savings stamps" issued by private or commercial bodies to customers (**heading 49.11**).

(b) Used stamps, and unused stamps not of current or new issue in the country of destination (**heading 97.04**).

(B) **Stamped envelopes, letter cards, postcards, etc.**, bearing uncanceled prints or impressions of postage stamps of the kind described above and of current or new issue in the country in which they have, or will have, a recognised face value, or with "reply paid" postal marking.

(C) **Other stamp-impressed paper** such as official forms, blank forms (e.g., for legal documents Subject to revenue stamp duties), printed or embossed with revenue stamps.

(D) **Banknotes**. This term covers promissory notes of all denominations issued by the State or approved issuing banks for use as currency or legal tender either in the country of issue or elsewhere. It includes banknotes which, at the time of presentation, are not yet or are no longer legal tender in any country. However, banknotes which are collectors' pieces or which form a collection, are classified in heading 97.05.

(E) **Cheque forms** are stamped or unstamped blank cheque forms, frequently found in paper covers, in booklet form, and issued by banks, including Post Office banks in some countries, for use by their customers.

(F) **Stock, share or bond certificates and similar documents of title**. These are formal documents issued, or for issue, by public or private bodies conferring ownership of, or entitlement to, certain financial interests, goods or benefits named therein. Apart from the certificates mentioned, these documents include letters of credit, bills of exchange, travellers' cheques, bills of lading, title deeds and dividend coupons. They usually require completion and validation.

Banknotes, cheque forms, and stock, etc., certificates are generally printed on special paper bearing special watermarks or other marks, and are usually serially numbered. Lottery tickets printed on special security paper and serially numbered are, however, **excluded** from this

Những sản phẩm thuộc loại đã mô tả thuộc nhóm này khi được xuất trình với một số lượng mang tính giao dịch thương mại, thường bởi cơ quan có thẩm quyền phát hành, dù các chứng từ trên (ví dụ, cổ phiếu) có hoặc không yêu cầu điền và xác nhận.

49.08 - Đề can các loại (decalcomanias).

4908.10 - Đề can các loại (decalcomanias), dùng cho các sản phẩm thủy tinh

4908.90 - Loại khác

Đề can các loại (decalcomanias) bao gồm hình vẽ, thiết kế hoặc mẫu tự một màu duy nhất hoặc nhiều màu, được in lytô hoặc được in cách khác trên giấy nhẹ, thấm nước (hoặc đôi khi trên một tấm plastic trong suốt mỏng), được tráng phủ bằng một chế phẩm, như từ tinh bột và keo, để tiếp nhận hình in mà bản thân nó được phủ một chất kết dính. Giấy này thường được bồi bằng một lớp hỗ trợ bằng giấy nặng hơn. Đôi khi, đề can được in trên một nền bằng lá kim loại.

Khi giấy được in được thấm ướt và được gắn bằng một lực nhẹ lên một bề mặt cố định (ví dụ, thủy tinh, gốm sứ, gỗ, kim loại, đá hoặc giấy), lớp phủ được in hình ảnh, ..., được chuyển sang bề mặt cố định trên.

Nhóm này cũng bao gồm đề can kính, tức là, đề can được in nhờ chế phẩm kính của nhóm 32.07.

Đề can có thể được dùng cho việc trang trí hoặc các mục đích sử dụng khác, ví dụ, để trang trí trên đồ sứ hoặc đồ thủy tinh, hoặc đánh dấu lên các sản phẩm khác như xe cộ, máy móc, công cụ.

Đề can được sản xuất và cung cấp chủ yếu cho mục đích giải trí của trẻ em cũng được phân loại trong nhóm này, cũng như các mặt hàng như các đề can thêu hoặc dệt kim mà gồm các tờ giấy trên đó các mẫu thiết kế được phác thảo bằng thuốc màu mà được chuyển, thường sang bề mặt vải, bằng cách ép với bàn là nóng.

Các sản phẩm được mô tả trên không nên lẫn với tấm che cửa sổ trong suốt, mà thuộc **nhóm 48.14** hoặc **49.11** (xem Chú giải chi tiết của nhóm trước).

Nhóm này **không bao gồm** giấy chuyển thuộc loại được gọi là lá phôi rập hoặc lá phôi khối, được điều chế với một lớp phủ kim loại, bột kim loại hoặc thuốc màu, và được dùng để in bìa sách, băng mũ... (**nhóm 32.12**). Giấy chuyển khác, như được sử dụng trong công nghệ in lytô, thuộc **nhóm 48.09** hoặc **48.16** tùy theo từng trường hợp.

49.09 - Bưu thiếp in hoặc bưu ảnh; các loại thiếp in sẵn chứa lời chúc, thông điệp hoặc thông báo, có hoặc không có minh họa, có hoặc không có phong bì kèm theo hoặc phụ kiện trang trí.

heading and are generally classified in **heading 49.11**.

Products of the kinds described fall in this heading when in quantity as a commercial transaction, usually by the issuing authority, whether or not the documents (e.g., share certificates) require completion and validation.

49.08 - Transfers (decalcomanias).

4908.10 - Transfers (decalcomanias), vitrifiable

4908.90 - Other

Transfers (decalcomanias) consist of pictures, designs or lettering in single or multiple colours, lithographed or otherwise printed on absorbent, lightweight paper (or sometimes thin transparent sheeting of plastics), coated with a preparation, such as of starch and gum, to receive the imprint which is itself coated with an adhesive. This paper is often backed with a supporting paper of heavier quality. The designs are sometimes printed against a background of metal leaf.

When the printed paper is moistened and applied with slight pressure to a permanent surface (e.g., glass, pottery, wood, metal, stone or paper), the coating printed with the picture, etc., is transferred to the permanent surface.

This heading also covers vitrifiable transfers, i.e. transfers printed with vitrifiable preparations of heading 32.07.

Transfers may be used for decoration or utility purposes, e.g., for decorating pottery or glass, or for marking various articles such as vehicles, machines and instruments.

Transfers produced and supplied mainly for the amusement of children are also covered by this heading, as are also articles such as embroidery or hosier transfers which consist of papers on which designs are outlined in pigment which is transferred, usually to a textile surface, by pressure with a heated smoothing iron.

The articles described above should not be confused with the products known as window transparencies, which fall in **heading 48.14** or **49.11** (see the Explanatory Note to the former heading).

The heading also **excludes** transfer paper of the types known as stamping foils or blocking foils, prepared with a coating of metal, metal powder or pigment, and used for printing book covers, hat bands, etc. (**heading 32.12**). Other transfer papers, as used in lithographic work, fall in **heading 48.09** or **48.16** as appropriate.

49.09 - Printed or illustrated postcards; printed cards bearing personal greetings, messages or announcements, whether or not illustrated, with or without envelopes or trimmings.

Nhóm này bao gồm:

(i) Bưu thiếp in hoặc bưu ảnh bất kể chúng mang mục đích cá nhân, thương mại hay quảng cáo, và

(ii) Các loại thiếp in sẵn chứa lời chúc, thông điệp hoặc thông báo cho tất cả dịp. Các thiếp in sẵn này có thể có hoặc không có minh họa và có thể có hoặc không có phong bì kèm theo hoặc phụ kiện trang trí.

Các mặt hàng này đặc biệt bao gồm:

(1) **Bưu thiếp ảnh**, tức là, các tấm thiếp có các chỉ dẫn đã in về cách sử dụng như bưu thiếp, và trong đó toàn bộ hoặc phần lớn một mặt là hình minh họa các loại. Các sản phẩm tương tự không có các chỉ dẫn sử dụng như trên thì được phân loại như tranh ảnh thuộc **nhóm 49.11**. Các bưu thiếp ảnh này có thể ở dạng tờ hoặc tập. Các bưu ảnh đã in mà hình minh họa không phải là đặc tính chủ yếu (ví dụ, một số bưu thiếp có quảng cáo hoặc có hình ảnh nhỏ) cũng thuộc nhóm này. Tuy vậy, các bưu thiếp như vậy, nếu được in hoặc rập nổi tem bưu chính, bị **loại trừ (nhóm 49.07)**. Nhóm này **không bao gồm** các bưu thiếp tron trong đó các nội dung in chỉ là bổ trợ so với công dụng chính của chúng (**nhóm 48.17**).

(2) **Thiếp Nô-en, Năm mới, sinh nhật, hoặc các thiếp tương tự**. Chúng có thể ở dạng bưu ảnh, hoặc gồm hai hoặc nhiều tờ gấp dính lại với nhau, một hoặc nhiều mặt để minh họa hình ảnh. Thuật ngữ "thiếp tương tự" được hiểu là các thiếp sử dụng để thông báo ngày sinh hoặc lễ rửa tội, hoặc để chuyển lời chúc mừng hoặc lời cảm ơn. Thiếp in sẵn có thể gắn với các vật liệu trang trí như ruy-băng, dây buộc, quả tua và đồ thêu, hoặc các mặt hàng trang trí mới lạ như các hình gấp, hoặc có thể được trang trí bằng bột thủy tinh...

Các mặt hàng của nhóm này có thể in trên chất liệu khác giấy, ví dụ, plastic hoặc gelatin.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Bưu thiếp ảnh dưới dạng tranh, bức vẽ hoặc sách tô màu cho trẻ em (**nhóm 49.03**)

(b) Thiếp Nô-en hoặc năm mới,... dưới dạng lịch (**nhóm 49.10**).

49.10 - Các loại lịch in, kể cả bloc lịch.

Nhóm này bao gồm lịch các loại dù chúng đã được in trên giấy, bìa, vải dệt hay bất cứ chất liệu nào khác, **với điều kiện là** việc in ấn đem lại cho sản phẩm đặc tính căn bản của nó. Chúng có thể chứa, ngoài ngày tháng, các ngày trong tuần..., còn bao gồm các mục thông tin khác nhau, như chú thích về các sự kiện quan trọng, lễ hội, thiên văn và các dữ liệu khác, thơ và tục ngữ. Chúng cũng có thể kết hợp tranh ảnh hoặc quảng cáo. Tuy nhiên, các xuất bản phẩm đôi khi bị gọi sai là lịch mà, mặc dù có ghi ngày tháng, được xuất bản nhằm mục đích chủ yếu là cung cấp tin liên quan đến sự kiện công hoặc tư,... được

This heading covers:

(i) Printed or illustrated postcards regardless of whether they are for private, commercial or advertising purposes, and

(ii) Printed cards bearing personal greetings, messages or announcements for any occasion. Such printed cards may be illustrated or not and may be with or without envelopes or trimmings.

These products comprise particularly:

(1) **Picture postcards**, i.e., cards which have printed indications of their use as postcards, and in which the whole or greater part of one side is devoted to pictorial matter of any kind. Similar products not having such indications of use are classified as pictures in **heading 49.11**. These picture postcards may be in sheet or booklet form. Printed postcards in which the pictorial matter does not form the principal feature (e.g., certain postcards with advertising matter or small pictures) also fall in this heading. However, such postcards, if printed or embossed with postage stamps, are **excluded (heading 49.07)**. Plain postcards where printing is merely subsidiary to their primary use are also **excluded (heading 48.17)**.

(2) **Christmas, New Year, birthday or similar cards**. These may be in the form of picture postcards, or consist of two or more folded leaves fastened together, one face or more being devoted to pictorial matter. The term "similar cards" is to be taken to include cards used to announce births or christenings, or for conveying congratulations or thanks. The printed cards may incorporate trimmings such as ribbons, cords, tassels and embroidery, or novelty features such as pull-out views, or be decorated with glass powder, etc.

The products of this heading are sometimes printed on materials other than paper, e.g., plastics or gelatin.

The heading **does not cover** :

(a) Picture postcards put up in the form of children's picture, drawing or colouring books (**heading 49.03**).

(b) Christmas or New Year cards, etc., in the form of calendars (**heading 49.10**).

49.10 - Calendars of any kind, printed, including calendar blocks.

This heading relates to calendars of any kind whether they are printed on paper, paperboard, woven fabric or any other material, **provided that** the printing gives the article its essential character. They may contain, in addition to the normal sequence of dates, days of the week, etc., various other items of information, such as notes of important events, festivals, astronomical and other data, verses and proverbs- They may also incorporate pictorial or advertising matter. However, publications sometimes improperly

phân loại vào **nhóm 49.01** (nếu không thuộc **nhóm 49.11** khi mang tính chất quảng cáo).

Nhóm này cũng bao gồm lịch "vạn niên" hoặc lịch mà bloc có thể thay thế được được gắn lên nền từ vật liệu không phải bằng giấy hoặc bìa (ví dụ, như gỗ, plastic hoặc kim loại).

Nhóm này cũng bao gồm các bloc lịch. Chúng gồm một số tờ giấy mà mỗi tờ được in một ngày cụ thể của năm và được tập hợp theo thứ tự thời gian ở dạng bloc mà từ đó từng tờ riêng lẻ bị xé đi hàng ngày. Các bloc này nói chung được sử dụng để đặt trên nền bằng bìa, hoặc để thay thế hàng năm trong các cuốn lịch có nền có tính lâu dài hơn.

Tuy nhiên, nhóm này **không bao gồm** các sản phẩm mà tính chất căn bản không được xác định bởi sự hiện diện của cuốn lịch.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

(a) Tập ghi nhớ kết hợp lịch và nhật ký (kể cả lịch hẹn) (**nhóm 48.20**).

(b) Phần sau của lịch in không kèm bloc lịch (**nhóm 49.11**).

49.11 - Các ấn phẩm in khác, kể cả tranh và ảnh in.

4911.10 - Các ấn phẩm quảng cáo thương mại, các catalog thương mại và các ấn phẩm tương tự

- Loại khác:

4911.91 - - Tranh, bản thiết kế và ảnh các loại

4911.99 - - Loại khác

Nhóm này bao gồm tất cả ấn phẩm (kể cả ảnh và tranh in) của Chương này (xem Chú giải tổng quát ở trên) nhưng chưa được chi tiết cụ thể hơn trong bất kỳ nhóm trước đó của Chương này.

Các tranh và ảnh đã lồng khung cũng được phân loại trong nhóm này khi đặc tính chủ yếu về tổng thể là do tranh hoặc ảnh đó tạo ra; trong các trường hợp khác, các sản phẩm như vậy sẽ được phân loại vào nhóm tương ứng với khung như là sản phẩm bằng gỗ, kim loại,...

Một số ấn phẩm đã in có thể dự định hoàn thành bằng tay hoặc đánh máy tại thời điểm sử dụng nhưng vẫn được phân loại vào nhóm này **với điều kiện** chúng mang tính chất căn bản của ấn phẩm đã in (xem Chú giải 12 Chương 48). Do đó, các mẫu in sẵn (ví dụ, mẫu đặt tạp chí), vé du lịch nhiều chặng trống (ví dụ, máy bay, tàu hỏa và xe khách), thư ngỏ, thẻ và giấy tờ tùy thân và các mặt hàng khác được in với thông điệp, thông báo..., chỉ yêu cầu điền thêm những nội dung cụ thể (ví dụ, ngày tháng và tên) được phân loại trong nhóm này. Tuy nhiên, chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu và các chứng

called calendars which, although dated, are published essentially to give information concerning public or private events, etc., are classified in **heading 49.01** (unless falling in **heading 49.11** as publicity matter).

The heading also covers calendars of the "perpetual" type or with replaceable blocks mounted on bases of materials other than paper of paperboard (e.g., wood, plastics or metal).

The heading further includes calendar blocks. These consist of a number of slips of paper each printed with particulars of a separate day of the year and assembled in chronological order in the form of a block from which the separate slips are removed daily. These blocks are generally used for mounting on a base of paperboard, or for annual replacement in calendars with bases of a more permanent nature.

The heading, however, **does not cover** articles whose essential character is not determined by the presence of a calendar.

The heading also **excludes** :

(a) Memorandum pads incorporating calendars and diaries (including so-called engagement calendars) (**heading 48.20**).

(b) Printed calendar backs not incorporating calendar blocks (**heading 49.11**).

49.11 - Other printed matter, including printed pictures and photographs.

4911.10 - Trade advertising material, commercial catalogues and the like

- Other:

4911.91 - - Pictures, designs and photographs

4911.99 - - Other

This heading covers all printed matter (including photographs and printed pictures) of this Chapter (see the General Explanatory Note above) but not more particularly covered by any of the preceding headings of the Chapter.

Framed pictures and photographs remain classified in this heading when the essential character of the whole is given by the pictures or photographs; in other cases such articles are to be classified in the heading appropriate to the frames, as articles of wood, metal, etc.

Certain printed articles may be intended for completion in manuscript or typescript at the time of use but remain in this heading **provided** they are essentially printed matter (see Note 12 to Chapter 48). Thus, printed forms (e.g., magazine subscription forms), blank multi-coupon travel (e.g., air, rail and coach) tickets, circular letters, identity documents and cards and other articles printed with messages, notices, etc., requiring only the insertion of particulars (e.g., dates and names) are classified in this heading. Stock, share or bond

từ sở hữu tương tự và các mẫu séc, cũng yêu cầu điền thông tin và xác nhận, được phân loại trong **nhóm 49.07**.

Mặt khác, một số sản phẩm văn phòng có phần in chỉ đóng một vai trò thứ yếu so với công dụng chính của chúng để viết hoặc để đánh máy được phân loại vào **Chương 48** (xem Chú giải 12 của Chương 48 và cụ thể là Chú giải chi tiết các nhóm **48.17** và **48.20**).

Ngoài các sản phẩm được phân loại rõ ràng ở trên, nhóm này còn bao gồm:

(1) Các ấn phẩm có mục đích quảng cáo (kể cả áp-phích quảng cáo), các niên giám và các xuất bản phẩm tương tự chủ yếu dành cho quảng cáo, catalog thương mại các loại (kể cả danh mục sách hoặc danh sách nhà xuất bản âm nhạc, và catalog tác phẩm nghệ thuật) và sách quảng bá du lịch. Tuy nhiên, báo, xuất bản phẩm định kỳ và tạp chí chuyên ngành, dù chúng có chứa quảng cáo hay không, bị loại trừ (**nhóm 49.01** hoặc **49.02**, tùy trường hợp).

(2) Sách mỏng có chứa chương trình xiếc, sự kiện thể thao, opera, kịch hoặc các trình diễn tương tự.

(3) Phần sau của lịch đã in có hoặc không có minh hoạ.

(4) Lược đồ.

(5) Sơ đồ và biểu đồ giảng dạy giải phẫu, thực vật...

(6) Vé vào cửa nơi vui chơi (ví dụ, rạp chiếu phim, nhà hát và buổi hòa nhạc), vé đi lại bằng phương tiện công cộng hoặc tư nhân và các vé tương tự khác.

(7) Bản sao thu nhỏ trên nền giấy mờ của các sản phẩm thuộc Chương này.

(8) Tấm hình được làm bằng cách in trên màng bằng plastic với các chữ hoặc ký hiệu được cắt ra và dùng trong công việc thiết kế.

Những tấm hình như vậy được in đơn giản với các dấu chấm, đường kẻ hoặc ô vuông **bị loại trừ (Chương 39)**.

(9) Thiếp lớn và các phong bì có tem đóng dấu ngày phát hành đầu tiên có minh hoạ không có tem bưu chính (xem phần (D) Chú giải nhóm 97.04).

(10) Hình dán (sticker) đã in tự dính được thiết kế để sử dụng, ví dụ, công bố, quảng cáo hoặc trang trí đơn thuần, ví dụ, "comic sticker" và "sticker cửa sổ".

(11) Vé số, "xổ số cào", phiếu rút thăm trúng thưởng (raffle ticket) và vé tombola.

Đặc biệt, các mặt hàng sau cũng không thuộc nhóm này:

(a) Âm bản hoặc dương bản ảnh trên phim hoặc trên bản kẽm (**nhóm 37.05**).

(b) Hàng hoá thuộc **nhóm 39.18, 39.19, 48.14** hoặc **48.21** hoặc các sản phẩm bằng giấy đã in của **Chương 48** trong

certificates and similar documents of title and cheque forms, which also require completion and validation are, however, classified in **heading 49.07**.

On the other hand, certain articles of stationery with printing which is merely subsidiary to their primary use for writing or typing are classified in **Chapter 48** (see Note 12 to Chapter 48 and in particular the Explanatory Notes to **headings 48.17 and 48.20**).

The heading includes the following in addition to the more obvious products:

(1) Advertising matter (including posters), year books and similar publications devoted essentially to advertising, trade catalogues of all kinds (including book or music publishers' lists, and catalogues of works of art) and tourist propaganda. Newspapers, periodicals and journals, whether or not containing advertising material, are however **excluded (heading 49.01 or 49.02, as appropriate)**.

(2) Brochures containing the programme of a circus, sporting event, opera, play or similar presentation.

(3) Printed calendar backs with or without illustrations.

(4) Schematic maps.

(5) Anatomical, botanical, etc., instructional charts and diagrams.

(6) Tickets for admission to places of entertainment (e.g., cinemas, theatres and concerts), tickets for travel by public or private transport and other similar tickets.

(7) Microcopies on opaque bases of the articles of this Chapter.

(8) Screens made by printing a film of plastics with letters or symbols to be cut out for use in design work.

Such screens simply printed with dots, lines or squares are **excluded (Chapter 39)**.

(9) Maximum cards and illustrated first-day covers not bearing postage stamps (see also Part (D) of the Explanatory Note to heading 97.04).

(10) Self-adhesive printed stickers designed to be used, for example, for publicity, advertising or mere decoration, e.g., "comic stickers" and "window stickers".

(11) Lottery tickets, "scratch cards", raffle tickets and tombola tickets.

The following articles, in particular, are also excluded from this heading:

(a) Photographic negatives or positives on films or plates (**heading 37.05**).

(b) Goods of heading **39.18, 39.19, 48.14** or **48.21** or printed paper products of **Chapter 48** in which

đó việc in ấn chữ hoặc hình chi là thứ yếu so với mục đích sử dụng chính.

(c) Chữ, số, bảng chỉ dẫn và các họa tiết tương tự cho biển hiệu hoặc tủ kính cửa hàng, chứa tranh hoặc chữ được in, bằng gốm sứ, bằng thủy tinh, hoặc bằng kim loại cơ bản, lần lượt thuộc **các nhóm 69.14, 70.20 và 83.10**, hoặc thuộc **nhóm 94.05** nếu chúng được chiếu sáng.

(d) Gương bằng thủy tinh trang trí, có khung hay không, có minh họa đã in trên một mặt (**nhóm 70.09** hoặc **70.13**).

(e) “Thẻ thông minh” in sẵn (kể cả thẻ hoặc nhãn an ninh) như đã định nghĩa tại Chú giải 4 (b) của Chương 85 (**nhóm 85.23**).

(f) Mặt số đồng hồ đã in của dụng cụ hoặc thiết bị thuộc **Chương 90** hoặc **91**.

(g) Đồ chơi bằng giấy đã in (ví dụ, các tấm cắt dành cho trẻ em), quân bài và các vật tương tự, và các trò chơi được in khác (**Chương 95**).

(h) Nguyên bản các bản khắc, bản in và bản in lytô, của **nhóm 97.02**, tức là, các vật in trực tiếp, in trắng và đen hoặc in màu, của một hoặc một số bản kẽm do các nghệ nhân thực hiện thủ công, bất kể quy trình hoặc chất liệu nào, nhưng không bao gồm quy trình cơ khí hoặc cơ khí quang học.

the printed characters or pictures are merely incidental to the primary use of the products.

(c) Letters, numbers, sign-plates and similar motifs for shop signs and shop windows, bearing a printed picture or text, of ceramics, of glass, or of base metal, which are classifiable in **headings 69.14, 70.20 and 83.10** respectively, or in **heading 94.05** if illuminated.

(d) Decorative glass mirrors, whether or not framed, with printed illustrations on one surface (**heading 70.09 or 70.13**).

(e) Printed “smart cards” (including proximity cards or tags) as defined in Note 4 (b) to Chapter 85 (**heading 85.23**).

(f) Printed dials of instruments or apparatus of **Chapter 90** or **91**.

(g) Printed paper toys (e.g., children’s cut-out sheets), playing cards and the like, and other printed games (**Chapter 95**).

(h) Original engravings, prints and lithographs, of **heading 97.02**, that is, impressions produced directly, in black and white or in colour, of one or of several plates wholly executed by hand by the artist, irrespective of the process or of the material employed by him, but not including any mechanical or photo-mechanical process.

PHẦN XI

NGUYÊN LIỆU DỆT VÀ CÁC SẢN PHẨM DỆT

Chú giải.

1.- Phần này không bao gồm:

(a) Lông cứng hoặc lông động vật dùng làm bàn chải (nhóm 05.02); lông đuôi hoặc lông bờm ngựa hoặc phế liệu từ lông đuôi hoặc lông bờm ngựa (nhóm 05.11);

(b) Tóc người hoặc các sản phẩm bằng tóc người (nhóm 05.01, 67.03 hoặc 67.04), trừ vải lọc dùng trong công nghệ ép dầu hoặc tương tự (nhóm 59.11);

(c) Xơ của cây bông hoặc các vật liệu thực vật khác thuộc Chương 14;

(d) Amiăng (asbestos) thuộc nhóm 25.24 hoặc các sản phẩm từ amiăng hoặc các sản phẩm khác thuộc nhóm 68.12 hoặc 68.13;

(e) Các sản phẩm thuộc nhóm 30.05 hoặc 30.06; chi sử dụng để làm sạch các kẽ răng (chỉ tơ nha khoa), đóng gói để bán lẻ, thuộc nhóm 33.06;

(f) Các loại vải dệt có phủ lớp chất nhạy thuộc các nhóm từ 37.01 đến 37.04;

(g) Sợi monofilament có kích thước mặt cắt ngang bất kỳ trên 1 mm hoặc dải hoặc dạng tương tự (ví dụ, sợi rom nhân tạo) có chiều rộng biểu kiến trên 5 mm, bằng plastic (Chương 39), hoặc các loại dây tết bện

SECTION XI

TEXTILES AND TEXTILE ARTICLES

Notes.

1.- This Section does not cover:

(a) Animal brush-making bristles or hair (heading 05.02); horsehair or horsehair waste (heading 05.11);

(b) Human hair or articles of human hair (heading 05.01, 67.03 or 67.04), except filtering or straining cloth of a kind commonly used in oil presses or the like (heading 59.11);

(c) Cotton linters or other vegetable materials of Chapter 14;

(d) Asbestos of heading 25.24 or articles of asbestos or other products of heading 68.12 or 68.13;

(e) Articles of heading 30.05 or 30.06; yarn used to clean between the teeth (dental floss), in individual retail packages, of heading 33.06;

(f) Sensitised textiles of headings 37.01 to 37.04;

(g) Monofilament of which any cross-sectional dimension exceeds 1 mm or strip or the like (for example, artificial straw) of an apparent width exceeding 5 mm, of plastics (Chapter 39), or plaits or